

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-06-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Ông Phan Kiên Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 18 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 03 năm 2021 về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/05/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 26/05/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Ngọc M**, sinh năm 1986 (Xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/03/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thạch Ngọc M trình bày:

Chị Thạch Ngọc M qua M mới rồi quen biết với anh Lê Văn T vào năm 2007, rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày 7/8/2008.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống bên gia đình anh T một thời gian, sau đó cả hai vợ chồng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 2 tháng về một lần, khi sinh con thì gửi

cho bên ngoài giữ để vợ chồng có điều kiện đi làm. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng Y kiến, tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị và anh T sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, việc vợ chồng ly thân làm cho đời sống vợ chồng ngày càng xa cách, không mang lại hạnh phúc, chị và anh T không có liên lạc gì với nhau, chị thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị M yêu cầu nuôi 02 con chung là Lê Trần K, sinh ngày 19/9/2009, Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 14/03/2015, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ .

Ngày 7/5/2021, nguyên đơn chị Thạch Ngọc M có đơn xin vắng mặt, chị có Y kiến trình bày: Tôi yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T. Về con chung: Tôi yêu cầu nuôi 02 con chung là Lê Trần K, sinh ngày 19/9/2009, Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 14/03/2015, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

- Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lê Văn T cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị Thạch Ngọc M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; đối với bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Qua M môi chị M quen biết với anh Lê Văn T rồi tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày 7/8/2008 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Thạch Ngọc M trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống bên gia đình anh T một thời gian, sau đó cả hai vợ chồng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 2 tháng về một lần, khi sinh con thì gửi cho bên ngoại giữ để vợ chồng có điều kiện đi làm. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị và anh T sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, việc vợ chồng ly thân làm cho đời sống vợ chồng ngày càng xa cách, không mang lại hạnh phúc, chị và anh T không có liên lạc gì với nhau, chị thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị M và anh T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và chăm sóc các con chung. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung*: Chị Thạch Ngọc M và anh Lê Văn T có 02 con chung là Lê Trần K, sinh ngày 19/9/2009, Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 14/03/2015, chị M yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Trần K, sinh ngày 19/9/2009, Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 14/03/2015 đang sống chung với chị M, hiện do chị M chăm sóc, giáo dục và cháu K có nguyện vọng sống chung với chị M. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển, nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Ngọc M là giao cháu Lê Trần K, Lê Ngọc Như Y cho chị Thạch Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Thạch Ngọc M chưa yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Thạch Ngọc M khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Ngọc M được ly hôn với anh Lê Văn T.

[2]. *Về con chung của vợ chồng*: Giao 02 cháu Lê Trần K, sinh ngày 19/9/2009, Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 14/03/2015 cho chị Thạch Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Thạch Ngọc M chưa yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Thạch Ngọc M khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Thạch Ngọc M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N₀ 0010928 ngày 18/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã B,
- huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo